

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	11 – 40

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007 và chứng nhận thay đổi lần thứ 13 ngày 14 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ: 186.445.000.000 VND.
(Một trăm tám mươi sáu tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng).
Số lượng cổ phiếu: 18.644.500 cổ phiếu.
Mệnh giá: 10.000 VND.
Mã chứng khoán: VTG.

Trụ sở chính:
Địa chỉ: Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Điện thoại: (064) 3856445 – 3856446
Fax: (064) 3856444
Email: info@vungtautourist.com.vn
Website: www.vungtautourist.com.vn

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Khu du lịch Biển Đông	Số 08 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Khách sạn Vũng Tàu – Sammy	Số 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Khách sạn Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Phường 02, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Chi nhánh Vũng Tàu	Số 29 Trần Hưng Đạo, Phường 01, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Số 275F Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 101 Nguyễn Du, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ, đồ uống có cồn (rượu, bia), đồ uống không cồn (nước hoa quả, nước khoáng, nước tinh khiết, cà phê, trà), thuốc lá điếu sản xuất trong nước, dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, phòng hát karaoke, massage, vũ trường, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, vật lý trị liệu, dịch vụ du lịch lữ hành trong và ngoài nước, dịch vụ bãi tắm, bãi biển (đi du thuyền), đưa thuyền, leo núi, cưỡi thuyền bay; Kinh doanh dịch vụ quảng cáo; Kinh doanh bãi tắm, bãi biển; Hoạt động thể thao dưới nước, ...

2. Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Tuấn Việt	Chủ tịch/ Tổng Giám đốc	18/05/2012
Ông Nguyễn Niệm	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	18/05/2012
Ông Nguyễn Hồng Ân	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	18/05/2012
Ông Nguyễn Quốc Lượng	Thành viên	18/05/2012
Ông Đỗ Đại Minh	Thành viên	18/05/2012

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Tấn Đạt	Thành viên	18/05/2012
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên	12/06/2015
Bà Dương Thị Huệ	Thành viên	12/06/2015

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Lý	Trưởng ban	27/06/2014
Bà Nguyễn Thị Thành	Thành viên	12/06/2015
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang	Thành viên	12/06/2015

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Trần Tuấn Việt	Tổng Giám đốc	22/06/2012
Ông Nguyễn Hồng Ân	Phó Tổng Giám đốc	22/06/2012
Ông Nguyễn Niệm	Phó Tổng Giám đốc	01/07/2012

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Trần Tuấn Việt (bổ nhiệm ngày 22/06/2012).

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Quyết định số 01,02,03 và 04/QĐ-HĐQT/CPDL-BRVT ngày 29/03/2017 của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị Công ty quyết định miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc đối với ông Trần Tuấn Việt và bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Hồng Ân kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2017.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Để lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính tổng hợp

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.




TRẦN TUẤN VIỆT
Chủ tịch

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2017





Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

Số: 253/2017/BCKT-HCM.00768

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2017, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như được nêu tại Thuyết minh 8.2 trên Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty ghi nhận chi phí thuê đất tại Bãi tắm Thùy Vân (Khu du lịch Biển Đông - 08 Thùy Vân) cho các năm tài chính 2015 và 2016 theo Thông báo nộp tiền thuê đất của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu cho diện tích sử dụng kinh doanh là 7.880,20 m². Đối với diện tích đất sử dụng còn lại trên toàn bộ diện tích đất thuê (54.171,10 m²), Công ty đang kiến nghị Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu về đơn giá thuê đất áp dụng phù hợp cho từng mục đích sử dụng đối với từng khu vực đất thuê. Tổng chi phí thuê đất theo thông báo nộp từ Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu chưa được Công ty ghi nhận trong năm tài chính 2016 là 11.020.432.842 VND. Do đó, chúng tôi chưa đủ cơ sở ghi nhận số tiền 11.020.432.842 VND vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, cũng như chúng tôi chưa thể xác định ảnh hưởng đến các khoản mục liên quan trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

2. Theo Kết luận thanh tra số 324/KLTT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về thanh tra toàn diện hoạt động của Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trong 04 năm (2011 – 2014), Công ty phải nộp số tiền là 3.934.660.825 VND do kê khai sai số thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận bổ sung số tiền trên vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và đang tiến hành khiếu kiện đối với Kết luận thanh tra. Do những vấn đề nêu trên, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với khoản mục thuế và các khoản phải nộp Nhà nước cũng như các yếu tố liên quan khác của Bảng cân đối kế toán tổng hợp, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề khác

1. Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó tại ngày 14 tháng 4 năm 2016.
2. Báo cáo tài chính tổng hợp này được thực hiện hồi tố do ghi nhận tiền thuê đất năm 2015 theo Thông báo nộp tiền thuê đất của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu với số tiền ghi nhận hồi tố là 3.078.034.305 VND tại Thuyết minh 8.3 trên Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.



BUI TUYẾT VÂN
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0071-2013-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2017

NGUYỄN NGỌC THỦY DUNG
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2782-2014-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		56.834.058.971	47.961.053.326
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	15.474.865.575	14.804.313.659
Tiền	111		5.174.865.575	11.804.313.659
Các khoản tương đương tiền	112		10.300.000.000	3.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.499.152.000	7.152.372.777
Chứng khoán kinh doanh	121	5.2.1	18.821.032.777	18.821.032.777
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2.1	(11.421.880.777)	(12.768.660.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.2	2.100.000.000	1.100.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.463.112.060	22.795.040.061
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	22.904.826.261	17.534.151.069
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2.211.387.745	1.742.895.725
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	8.350.000.000	3.200.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6.1	10.274.262.348	11.287.413.986
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(17.315.394.177)	(10.969.420.719)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		38.029.883	-
Hàng tồn kho	140	5.8	1.684.218.049	1.382.484.552
Hàng tồn kho	141		1.684.218.049	1.382.484.552
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.712.711.287	1.826.842.277
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9.1	841.202.967	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	2.871.508.320	1.826.842.277

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP


Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		186.421.184.109	193.676.610.345
Các khoản phải thu dài hạn	210		562.673.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.6.2	562.673.000	-
Tài sản cố định	220		68.035.850.066	70.887.692.263
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	68.035.850.066	70.887.692.263
Nguyên giá	222		130.702.752.475	128.349.817.026
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62.666.902.409)	(57.462.124.763)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		346.984.178	346.984.178
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		346.984.178	346.984.178
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2.3	110.342.647.117	113.180.717.524
Đầu tư vào công ty con	251		47.595.840.000	51.095.840.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.203.529.593	5.551.600.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		63.852.176.741	63.842.176.741
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.308.899.217)	(7.308.899.217)
Tài sản dài hạn khác	260		7.133.029.748	9.261.216.380
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	7.133.029.748	9.261.216.380
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.11	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		243.255.243.080	241.637.663.671

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP


Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		74.174.261.503	66.942.147.308
Nợ ngắn hạn	310		48.860.519.765	33.188.319.703
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	4.909.361.613	3.155.018.431
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	521.015.693	699.270.228
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	16.488.375.255	10.641.780.706
Phải trả người lao động	314		59.006.397	23.849.153
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	336.946.565	112.119.116
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16.1	22.552.425.105	15.180.922.358
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17.1	2.939.799.426	2.149.000.000
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.18	1.053.589.711	1.226.359.711
Nợ dài hạn	330		25.313.741.738	33.753.827.605
Phải trả dài hạn khác	337	5.16.2	9.723.385.525	16.014.471.392
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17.2	15.590.356.213	17.739.356.213
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		169.080.981.577	174.695.516.363
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	169.080.981.577	174.695.516.363
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		186.445.000.000	186.445.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		186.445.000.000	186.445.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		11.238.309.719	11.238.309.719
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(28.602.328.142)	(22.987.793.356)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(22.987.793.356)	(25.358.156.658)
LNST chưa phân phối năm nay	421b		(5.614.534.786)	2.370.363.302
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		243.255.243.080	241.637.663.671


NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu


NGUYỄN TÂN ĐẠT
Kế toán trưởng




TRẦN TUẤN VIỆT
Tổng Giám đốc
Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		127.456.098.540	108.537.889.164
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	6.1.1	127.456.098.540	108.537.889.164
Giá vốn hàng bán	11	6.2	68.933.245.657	47.345.486.096
Lợi nhuận gộp	20		58.522.852.883	61.192.403.068
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.997.664.273	3.321.134.602
Chi phí tài chính	22	6.4	533.663.345	(1.329.752.417)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>541.590.431</i>	<i>555.082.553</i>
Chi phí bán hàng	25	6.5	25.612.462.078	25.013.872.098
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	44.689.214.647	38.916.420.402
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(6.314.822.914)	1.912.997.587
Thu nhập khác	31	6.7	756.580.076	946.267.897
Chi phí khác	32		56.291.948	24.127.144
Lợi nhuận khác	40		700.288.128	922.140.753
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.614.534.786)	2.835.138.340
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.14	-	464.775.038
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(5.614.534.786)	2.370.363.302

NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu

NGUYỄN TẤN ĐẠT
Kế toán trưởng



TRẦN TUẤN VIỆT
Tổng Giám đốc


Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2017


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(5.614.534.786)	2.835.138.340
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.559.767.266	7.110.126.540
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	4.909.060.485	(1.814.736.178)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(688.870)	(614.035)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.689.069.122)	(3.184.517.866)
Chi phí lãi vay	06	541.590.431	555.082.553
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.706.125.404	5.500.479.354
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	758.205.231	(1.026.614.091)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(134.454.802)	(33.162.037)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	6.376.452.019	8.396.212.706
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	2.013.482.913	4.483.163.943
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(541.590.431)	(555.082.553)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.080.381.899)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(172.770.000)	(310.765.008)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.925.068.435	16.454.232.314
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(5.352.751.280)	(9.766.306.581)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	551.100.000	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.150.000.000)	(3.200.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.522.219.593)	(320.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.902.233.509	2.485.738.646
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.676.712.549	3.142.929.278
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.894.924.815)	(7.657.638.657)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	985.000.000	4.277.698.600
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.343.200.574)	(2.414.790.026)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.080.000)	(4.987.550)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.360.280.574)	1.857.921.024
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	669.863.046	10.654.514.681
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	14.804.313.659	4.149.184.943
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	688.870	614.035
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	15.474.865.575	14.804.313.659


 NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
 Người lập biểu


 NGUYỄN TẤN ĐẠT
 Kế toán trưởng


 TRẦN TUẤN VIỆT
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007 và chứng nhận thay đổi lần thứ 13 ngày 14 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ: 186.445.000.000 VND.
(Một trăm tám mươi sáu tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng).
Số lượng cổ phiếu: 18.644.500 cổ phiếu.
Mệnh giá: 10.000 VND.
Mã chứng khoán: VTG.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn gạo;
- Mua bán cá và thủy sản, mua bán lương thực;
- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; bán buôn dụng cụ y tế; bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và phế phẩm vệ sinh; bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự; bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, thiết bị điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện; Mua bán thiết bị - dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát, dây chì, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptômát), máy nông ngư cơ, thiết bị máy công nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp và xây dựng;
- Bán buôn phân bón và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, bán buôn hóa chất dạng nguyên sinh (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông); bán buôn cao su, bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Bán buôn tổng hợp;
- Chở khách du lịch bằng xe xích lô;
- Đại lý vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy, ô tô; Đại lý khai thuê hải quan;
- Môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Cho thuê xe ô tô;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ (trừ kinh doanh quầy bar, quán giải khát có khiêu vũ);
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong và ngoài nước;
- Dịch vụ kinh doanh massage, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, vật lý trị liệu;
- Dịch vụ phòng hát karaoke, kinh doanh vũ trường; Dịch vụ bãi tắm, bãi biển;

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ;
- Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Mua bán đồ uống không cồn (nước hoa quả, nước ngọt, nước khoáng, nước tinh khiết, cà phê, trà); Mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia);
- Dịch vụ Bãi biển (đi du thuyền);
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Hoạt động thể thao dưới nước, đua thuyền, leo núi, cưỡi thuyền bay;
- Dịch vụ giặt là;
- Dịch vụ trang trí phong cảnh;
- Dịch vụ chống mối mọt;
- Dịch vụ sửa chữa – bảo dưỡng trang thiết bị gia dụng, điều hòa không khí;
- In lụa, in Offset, in khắc gỗ, in ống đồng;
- Mua bán vải, hàng may sẵn, Mua bán giày dép; rèm, màn, ga trải giường, đồ thêu dệt;
- Mua bán xe ô tô (cũ và mới), Mua bán xe tải, rơ moóc, xe đặc chủng, xe địa hình, xe thể thao;
- Mua bán vật liệu xây dựng: cát, đá, sỏi, gạch ngói, xi măng;
- Mua bán các chất bôi trơn làm sạch động cơ;
- Mua bán xăm lốp xe có động cơ, các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ (ắcquy);
- Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu; Kinh doanh thiết bị chụp ảnh, tráng phim, tám kính ảnh, máy quay camera cá nhân;
- Mua bán nông sản thô chưa chế biến (lông động vật, da chưa thuộc, tơ, len thô), nông sản sơ chế (trừ hạt điều, bông vải);
- Mua bán sắt thép xây dựng, tôn và thép lá, khung nhôm, khung đồng;
- Cho thuê áo cưới, phòng cưới, quay phim, chụp ảnh, nhạc cụ;
- Trang trí các buổi biểu diễn, tổ chức sự kiện và hội chợ;
- Cắt tóc, trang điểm;
- Dịch vụ các hoạt động nhiếp ảnh;
- Hoạt động thu gom rác thải sinh hoạt;
- Dịch vụ quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản;
- Sản xuất các loại khăn lạnh, khăn giấy;
- Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và công trình hạ tầng trên đất để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và công trình hạ tầng trên đất để cho thuê, thuê quyền sử dụng đất có hạ tầng để cho thuê lại;
- Dịch vụ vệ sinh nhà ở, công sở, nhà hàng, khách sạn, biệt thự, hồ bơi, cổng rào;
- Vận tải hành khách và khách du lịch bằng ô tô; và
- Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ áp dụng loại hình dịch vụ này cho: Chi nhánh Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu – Khu du lịch Biển Đông, địa chỉ: 08 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Khách sạn Vũng Tàu – Sammy, địa chỉ: 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

1.5 Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Phường 02, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Ăn uống; Lữ hành nội địa và quốc tế; Kinh doanh bãi biển, đi du thuyền; Hoạt động giải trí ca nô, trượt nước, ca nô kéo dù; Mua bán đồ dùng cá nhân, đồ trang sức; Mua bán quần áo may sẵn, đồ thể thao; Đại lý bán vé máy bay, tàu thủy, tàu hỏa cho khách du lịch.	50,07%	50,07%
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	Số 06 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Hoạt động vui chơi giải trí, dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động, đại lý du lịch, cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí.	96,18%	96,18%
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu (*)	Số 29 Trần Hưng Đạo, Phường 01, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong nước và quốc tế.	100,00%	100,00%

(*) Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành quyết định giải thể Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu được chuyển giao cho Công ty. Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu đang tiến hành các thủ tục để giải thể công ty.

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	Số 65 Huyền Trân Công Chúa, Phường 08, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: Khách sạn, biệt thự, căn hộ du lịch; Kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch; Kinh doanh hoạt động câu lạc bộ giải trí.	26,53%	26,53%
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: Khách sạn, biệt thự, căn hộ du lịch; Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch.	35,00%	35,00%

Các đơn vị trực thuộc

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Khu du lịch Biển Đông	Số 08 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Khách sạn Vũng Tàu – Sammy	Số 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Khách sạn Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Phường 02, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Chi nhánh Vũng Tàu	Số 29 Trần Hưng Đạo, Phường 01, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Số 275F Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 101 Nguyễn Du, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các Báo cáo tài chính tổng hợp của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng số nhân viên của Công ty là 430 người (31/12/2015: 419 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp mua lại công ty khác có giá mua cao hơn giá trị sổ sách. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chi phí sửa chữa, đầu tư cải tạo

Chi phí sửa chữa được ghi nhận theo thực tế phát sinh và phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Các chi phí khác

Các chi phí khác bao gồm: Chi phí quảng cáo, bảo hiểm, ... được ghi nhận theo thực tế phát sinh và phân bổ dần vào chi phí theo thời gian hiệu lực còn lại của các hợp đồng quảng cáo, bảo hiểm, ...

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 50
Máy móc thiết bị	04 – 08
Phương tiện vận tải	06 – 10
Dụng cụ quản lý	03 – 06
Tài sản cố định khác	03 – 05

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính này có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.16 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.17 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Các bên có liên quan (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Quan hệ
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu	Công ty con
Công ty cổ phần Du lịch Thủy Vân	Công ty con
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	Công ty con
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Công ty liên kết
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt tồn quỹ	774.738.535	792.120.350
Tiền gửi ngân hàng	4.400.127.040	11.012.193.309
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	10.300.000.000	3.000.000.000
	15.474.865.575	14.804.313.659

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư tiền và các khoản tương đương tiền có gốc ngoại tệ:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền mặt tồn quỹ	USD 166,00	3.771.520
Tiền gửi ngân hàng	USD 453,15	10.299.875
	619,15	14.071.395

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

5.2.1 Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<i>Cổ phiếu</i>						
Công ty cổ phần Dịch vụ						
Thể thao Thi đấu giải trí	16.368.660.000	(*) (8.969.508.000)		16.368.660.000	(*) (11.768.660.000)	
Công ty cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	2.452.372.777	(*) (2.452.372.777)		2.452.372.777	(*) (1.000.000.000)	
	18.821.032.777	(11.421.880.777)		18.821.032.777	(12.768.660.000)	

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	12.768.660.000	15.768.660.000
Hoàn nhập trong năm	(1.346.779.223)	(3.000.000.000)
Số dư cuối năm	11.421.880.777	12.768.660.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng		
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu	1.100.000.000	1.100.000.000
• Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh – Chi nhánh Vũng Tàu	1.000.000.000	-
	2.100.000.000	1.100.000.000

5.2.3 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con						
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu (a)	-	-	-	4.000.000.000	-	(*)
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân (b)	9.800.000.000	-	(*)	9.800.000.000	-	(*)
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong (c)	37.795.840.000	(4.279.268.167)	(*)	37.295.840.000	(4.279.268.167)	(*)
	47.595.840.000	(4.279.268.167)		51.095.840.000	(4.279.268.167)	
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông (d)	5.013.529.593	-	(*)	4.361.600.000	-	(*)
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm (e)	1.190.000.000	-	(*)	1.190.000.000	-	(*)
	6.203.529.593	-		5.551.600.000	-	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty cổ phần Du lịch Sài Gòn - Bình Châu	28.602.790.000	-	(*)	28.602.790.000	-	(*)
Công ty cổ phần Lạc Việt	13.000.000.000	(1.860.441.050)	(*)	13.000.000.000	(1.860.441.050)	(*)
Công ty cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu Sài Gòn	9.390.560.000	-	(*)	9.390.560.000	-	(*)
Công ty cổ phần Du lịch Sinh thái Long Hải	3.468.701.654	-	(*)	3.468.701.654	-	(*)
Công ty TNHH Nam Biển Đông	3.326.935.087	-	(*)	3.326.935.087	-	(*)
Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm	2.784.000.000	-	(*)	2.784.000.000	-	(*)
Công ty cổ phần Dịch vụ Thể thao Thi đấu giải trí	1.169.190.000	(1.169.190.000)	(*)	1.169.190.000	(1.169.190.000)	(*)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật điện Thành Công	800.000.000	-	(*)	800.000.000	-	(*)
Công ty cổ phần San hô Xanh Côn Đảo	800.000.000	-	(*)	800.000.000	-	(*)
Công ty cổ phần Du lịch An Hoa	500.000.000	-	(*)	500.000.000	-	(*)
Hợp tác xã Du lịch Biển Xanh	10.000.000	-	(*)	-	-	(*)
	63.852.176.741	(3.029.631.050)		63.842.176.741	(3.029.631.050)	
Tổng cộng	117.651.546.334	(7.308.899.217)		120.489.616.741	(7.308.899.217)	

Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết

Công ty con

- a. Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu – Xem thuyết minh 1.5.
- b. Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 49003000221 thay đổi lần thứ 2 ngày 18 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 15.380.000.000 VND; trong đó, Công ty đã góp 7.700.000.000 VND, tương đương 50,07% vốn điều lệ.
- c. Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502213663 thay đổi lần thứ 2 ngày 21 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 39.295.840.000 VND; trong đó, Công ty đã góp 37.295.840.000 VND, tương đương 94,91% vốn điều lệ. Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu góp 500.000.000 VND, tương đương 1,27% vốn điều lệ.

Công ty liên kết

- d. Công ty cổ phần Đầu tư khách sạn Biển Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500770108 thay đổi lần thứ 2 ngày 24 tháng 9 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 49.000.000.000 VND; trong đó, Công ty cam kết góp 13.000.000.000 VND, tương đương 26,53% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp 5.013.529.593 VND, tương đương 10,23% vốn điều lệ.
- e. Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501454916 ngày 28 tháng 8 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 20.000.000.000 VND; trong đó, Công ty cam kết góp 7.000.000.000 VND, tương đương 35,00% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp 1.190.000.000 VND, tương đương 5,95% vốn điều lệ.

Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông và Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Giá trị hợp lý

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giao dịch với các công ty con và các công ty liên kết

Giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở Thuyết minh số 8.1.2.

Tình hình biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	7.308.899.217	6.193.734.671
Trích lập trong năm	-	1.115.164.546
Số dư cuối năm	<u>7.308.899.217</u>	<u>7.308.899.217</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

Các cam kết góp vốn của Công ty nhưng chưa thực hiện tại ngày kết thúc năm tài chính 31 tháng 12 năm 2016

	Vốn điều lệ của đơn vị nhận vốn đầu tư VND	Cam kết góp vốn của Công ty		
		Vốn cam kết góp VND	Vốn đã góp đến 31/12/2016 VND	Vốn chưa góp đến 31/12/2016 VND
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	49.000.000.000	13.000.000.000	5.013.529.593	7.986.470.407
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	20.000.000.000	7.000.000.000	1.190.000.000	5.810.000.000
Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm	100.000.000.000	10.000.000.000	2.784.000.000	7.216.000.000
Công ty cổ phần Du lịch Sinh thái Long Hải	60.000.000.000	3.500.000.000	3.468.701.654	31.298.346
Công ty cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu Sài Gòn	120.000.000.000	12.000.000.000	9.390.560.000	2.609.440.000
Công ty TNHH Nam Biển Đông	25.000.000.000	3.572.350.000	3.326.935.087	245.414.913
		49.072.350.000	25.173.726.334	23.898.623.666

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	107.732.930	107.732.930
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật điện Thành Công	3.878.297.384	3.985.451.530
Công ty TNHH Hoàng Trung	2.466.577.510	2.466.577.510
Công ty Du lịch Bưu điện Bắc Kinh	2.572.765.900	-
Các khách hàng khác	13.879.452.537	10.974.389.099
	22.904.826.261	17.534.151.069

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trả trước cho các nhà cung cấp khác		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Quốc Tế Bốn Giờ	243.408.620	-
Công ty TNHH Thương mại Du lịch Niềm Tin Việt DNTN Minh Tuấn	400.652.000	-
Trả trước người bán khác	964.454.130	964.454.130
	602.872.995	778.441.595
	2.211.387.745	1.742.895.725

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	8.350.000.000	3.200.000.000
	8.350.000.000	3.200.000.000

Đây là khoản cho Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong vay với lãi suất từ 5,0% - 7,0%/năm, thời hạn 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.6 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác

	Giá trị VND	31/12/2016 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2016 Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong – Lãi vay và các khoản ứng vốn, chi hộ	171.949.869	-	122.554.339	-
Công ty cổ phần Du lịch Thủy Vân – Cổ tức	189.245.774	-	157.934.109	-
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu – Các khoản tiền ứng để góp vốn, ký quỹ, ứng tour và chi hộ	-	-	1.693.304.366	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Các khoản bảo hiểm nộp thừa	6.461.548	-	57.619.380	-
Tạm ứng nhân viên	2.811.162.395	(156.275.899)	2.589.330.970	(65.944.199)
Ký quỹ ngắn hạn	220.087.648	-	702.370.060	-
Công ty cổ phần Du lịch Sài Gòn - Bình Châu - Cổ tức	1.716.167.400	-	1.573.153.450	-
Công ty cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu Sài Gòn – Cổ tức	1.031.649.425	-	115.769.425	-
Phải thu khác	4.127.538.289	(2.785.916.959)	4.275.377.887	(233.588.045)
	10.274.262.348	(2.942.192.858)	11.287.413.986	(299.532.244)

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	Giá trị VND	31/12/2016 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2016 Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Ký quỹ lữ hành quốc tế	500.000.000	-	-	-
Ký quỹ thuê văn phòng chi nhánh Hồ Chí Minh	62.673.000	-	-	-
	562.673.000	-	-	-

5.7 Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	31/12/2016 Giá gốc VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn	01/01/2016 Giá gốc VND	Dự phòng VND
Bên liên quan						
Công ty Cổ phần Giải trí thể thao Minh Đạm	Trên 2 năm	107.732.930	-	Từ 1 đến 2 năm	107.732.930	-
Các tổ chức và cá nhân khác						
- Phải thu tiền bán hàng						
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Điện Thành Công	Trên 3 năm	3.878.297.384	(3.878.297.384)	Trên 3 năm	3.985.451.530	(2.063.348.396)
Công ty TNHH Hoàng Trung	Trên 3 năm	2.466.577.510	(2.466.577.510)	Trên 3 năm	2.466.577.510	(669.850.473)
Công ty TNHH Thiện Trân	Trên 3 năm	1.438.306.242	(1.438.306.242)	Trên 3 năm	1.438.306.242	(1.438.306.242)
Công ty TNHH Tiểu Hưng Long	Trên 3 năm	1.825.472.115	(1.825.472.115)	Trên 3 năm	1.825.472.115	(1.825.472.115)
Các tổ chức và cá nhân khác		3.706.549.979	(3.623.551.479)		6.652.044.312	(3.584.877.398)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	31/12/2016		01/01/2016	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.140.996.589	(1.140.996.589)	1.088.033.851	(1.088.033.851)
- Phải thu khác	2.785.916.959	(2.785.916.959)	1.757.035.713	(233.588.045)
- Tạm ứng	156.275.899	(156.275.899)	1.429.159.485	(65.944.199)
	17.398.392.677	(17.315.394.177)	20.749.813.688	(10.969.420.719)

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	10.969.420.719	10.899.321.443
Trích lập trong năm	6.255.839.708	70.099.276
Điều chỉnh khác	90.133.750	-
Số dư cuối năm	17.315.394.177	10.969.420.719

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	654.020.385	-	539.707.004	-
Công cụ, dụng cụ	306.540.655	-	261.987.174	-
Hàng hóa	723.657.009	-	580.790.374	-
	1.684.218.049	-	1.382.484.552	-

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	233.767.272	-
Chi phí khác	607.435.695	-
	841.202.967	-

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Lợi thế thương mại	1.187.985.051	3.381.188.187
Chi phí sửa chữa, đầu tư cải tạo	3.433.890.336	1.591.873.335
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.744.373.709	2.832.847.686
Chi phí khác	766.780.652	1.455.307.172
	7.133.029.748	9.261.216.380

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/01/2016	109.767.085.572	4.956.121.407	9.750.844.612	448.092.660	3.427.672.775	128.349.817.026
Mua sắm trong năm	4.147.840.826	525.828.636	767.787.365	36.818.182	-	5.478.275.009
Thanh lý	-	(615.616.390)	(1.802.995.786)	-	-	(2.418.612.176)
Phân loại lại	(706.727.384)	-	-	-	-	(706.727.384)
Vào ngày 31/12/2016	113.208.199.014	4.866.333.653	8.715.636.191	484.910.842	3.427.672.775	130.702.752.475
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/01/2016	46.321.298.718	3.118.765.542	5.305.514.448	395.616.470	2.320.929.585	57.462.124.763
Khấu hao trong năm	5.793.333.596	483.456.147	944.017.297	44.211.762	294.748.464	7.559.767.266
Thanh lý	-	(449.211.638)	(1.717.317.346)	-	-	(2.166.528.984)
Phân loại lại	(188.460.636)	-	-	-	-	(188.460.636)
Vào ngày 31/12/2016	51.926.171.678	3.153.010.051	4.532.214.399	439.828.232	2.615.678.049	62.666.902.409
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/01/2016	63.445.786.854	1.837.355.865	4.445.330.164	52.476.190	1.106.743.190	70.887.692.263
Vào ngày 31/12/2016	61.282.027.336	1.713.323.602	4.183.421.792	45.082.610	811.994.726	68.035.850.066
<i>Trong đó: Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng</i>						
Vào ngày 01/01/2016	1.652.720.945	1.077.359.353	866.375.915	192.516.720	1.315.392.792	5.104.365.725
Vào ngày 31/12/2016	2.251.799.547	1.105.737.641	-	192.516.720	1.268.916.358	4.818.970.266

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 30.965.216.991 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu (Xem thuyết minh số 5.17.2).

5.11 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế với số tiền là 2.740.610.440 VND. Khoản lỗ tính thuế này bắt nguồn từ năm 2013 với số tiền 3.323.492.314 VND, đã chuyển 582.881.874 VND vào lợi nhuận tính thuế năm 2014.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản lỗ này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Công ty TNHH Ngôi Sao Việt	308.271.000	308.271.000	-	-
Trần Thị Mỹ Phúc	485.792.650	485.792.650	-	-
Các nhà cung cấp khác	4.115.297.963	4.115.297.963	3.155.018.431	3.155.018.431
	4.909.361.613	4.909.361.613	3.155.018.431	3.155.018.431

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty TNHH Mytour VN	64.351.028	-
Đoàn HOLLAND	139.860.000	-
Các khách hàng khác	316.804.665	699.270.228
	521.015.693	699.270.228

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016		Số phát sinh trong năm		31/12/2016	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp/ được khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng nội địa	-	605.624.654	15.655.941.498	(15.536.928.069)	-	724.638.083
Thuế TTĐB hàng bán	-	8.039.487	181.127.203	(185.952.378)	-	3.214.312
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.790.484.012	-	375.729.110	(1.080.381.899)	2.870.865.911	375.729.110
Thuế thu nhập cá nhân	36.358.265	6.710.288	287.579.362	(207.436.560)	642.409	51.137.234
Tiền thuê đất	-	10.021.406.277	9.312.250.239	(4.000.000.000)	-	15.333.656.516
Các loại thuế khác	-	-	435.191.326	(435.191.326)	-	-
Cộng	1.826.842.277	10.641.780.706	26.247.818.738	(21.445.890.232)	2.871.508.320	16.488.375.255

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ trong nước của Công ty là 10%.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế và tính toán của Ban lãnh đạo Công ty căn cứ vào đơn giá và diện tích đất thuê theo qui định hiện hành.

Công ty không ghi nhận tiền thuê đất số 209, đường Võ Thị Sáu, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và tiền thuê đất số 08, đường Thùy Vân, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu do 2 lô đất này đang nằm trong qui hoạch, Công ty chưa được sử dụng và chưa hoàn tất được các thủ tục thuê đất.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Năm 2016, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.614.534.786)	2.835.138.340
Điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế:		
Chi phí không được trừ	3.328.562.805	3.839.254.281
Trích lập dự phòng	5.152.606.898	1.115.164.546
Hoàn nhập dự phòng	(3.799.152.000)	(3.000.000.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	(932.517.083)	4.789.557.167
Thu nhập được miễn thuế	(4.214.110.473)	(2.465.681.979)
Thu nhập tính thuế	(5.146.627.556)	2.323.875.188
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	-	511.252.541
Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	-	(46.477.503)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	464.775.038

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tiếp theo)

Các loại thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp này có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí thuê mặt bằng, thuê nhà	236.200.000	-
Các chi phí khác	100.746.565	112.119.116
	336.946.565	112.119.116

5.16 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Phải trả ngắn hạn các tổ chức, cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	40.068.298	42.009.803
Cổ tức phải trả	10.332.391.800	10.334.471.800
Ông Nguyễn Ngọc Mỹ - Tiền đặt cọc mua khoản đầu tư	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty cổ phần Novagroup	2.100.000.000	-
Công ty TNHH Du lịch Kim Thiện An	5.000.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	43.483.000	-
Phải trả khác	1.436.482.007	1.204.440.755
	22.552.425.105	15.180.922.358

5.16.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Phải trả dài hạn cho bên liên quan</i>		
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân - Phải trả về tiền nhận chia khấu hao	4.954.641.088	4.760.985.087
<i>Phải trả dài hạn các tổ chức, cá nhân khác</i>		
Lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ tiền bán cổ phần tạm thu lúc cổ phần hóa	336.725.655	336.725.655
Sở Tài chính Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - Tạm ứng vốn kinh doanh	249.800	6.000.249.800
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.431.768.982	4.916.510.850
	9.723.385.525	16.014.471.392

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thới Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

5.17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Giá trị VND	31/12/2016	Giá trị VND	01/01/2016
		Số có khả năng trả nợ VND		Số có khả năng trả nợ VND
Vay cá nhân ngắn hạn (*)	785.000.000	785.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả				
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu	2.154.799.426	2.154.799.426	2.149.000.000	2.149.000.000
	2.939.799.426	2.939.799.426	2.149.000.000	2.149.000.000

(*) Đây là khoản vay cá nhân ngắn hạn với mục đích hỗ trợ vốn kinh doanh của Chi nhánh Hồ Chí Minh, lãi suất 1,00%/tháng, thời hạn vay 01 tháng, không tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm:

	Tại ngày 01/01/2016	Số tiền vay/ Kết chuyển nợ dài hạn đến hạn trả VND	Thanh toán trong năm VND	Tại ngày 31/12/2016 VND
	Vay cá nhân ngắn hạn	-	985.000.000	(200.000.000)
Vay dài hạn đến hạn trả	2.149.000.000	2.149.000.000	(2.143.200.574)	2.154.799.426
	2.149.000.000	3.134.000.000	(2.343.200.574)	2.939.799.426

5.17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Giá trị VND	31/12/2016	Giá trị VND	01/01/2016
		Số có khả năng trả nợ VND		Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn				
• Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu (*)	14.052.342.613	-	14.052.342.613	-
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu (**)	3.687.013.600	3.687.013.600	5.836.013.600	5.836.013.600
Vay dài hạn đến hạn trả				
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu	(2.149.000.000)	(2.149.000.000)	(2.149.000.000)	(2.149.000.000)
	15.590.356.213	1.538.013.600	17.739.356.213	3.687.013.600

Chi tiết các khoản vay dài hạn

(*) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu phát sinh trước cổ phần hóa và hiện đã được khoan nợ.

(**) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu:

Hợp đồng tín dụng: 880/KHTD/2013/4774 ngày 28/01/2013;
 9601/2015-HĐTDDA/NHCT880-DULICH ngày 04/06/2015 và phụ lục; và
 9601/2015-HĐTĐ/NHCT880-DULICH-OTO ngày 04/06/2015 và phụ lục.

Mục đích: Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp khách sạn Sammy – Vũng Tàu tại 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và mua phương tiện vận tải.

Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên đến 29/01/2018.
 Ân hạn trong 03 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên.

Lãi suất vay: Lãi suất áp dụng theo từng thời điểm vay và được điều chỉnh mỗi tháng 1 lần. Lãi suất vay bằng tổng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 5%/năm. Lãi suất cơ sở được xác định bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau do ngân hàng công bố cộng (+) chi phí huy động vốn tăng thêm (chỉ áp dụng trong trường hợp có biến động tiền tệ).

Tài sản đảm bảo: Quyền sở hữu công trình xây dựng khách sạn Sammy – Vũng Tàu tại 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (bao gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 599767, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 777472650900183 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 22 tháng 12 năm 2008).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Dưới 1 năm	2.149.000.000	2.149.000.000
Trên 1 năm đến dưới 5 năm	1.538.013.600	3.687.013.600
Trên 5 năm	14.052.342.613	14.052.342.613
	17.739.356.213	19.888.356.213

5.18 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	1.226.359.711	1.537.124.719
Chi trong năm	(172.770.000)	(310.765.008)
Số dư cuối năm	1.053.589.711	1.226.359.711

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.19 Vốn chủ sở hữu

5.19.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	186.445.000.000	11.238.309.719	(25.358.156.658)	172.325.153.061
Lãi trong năm 2015	-	-	2.370.363.302	2.370.363.302
Số dư tại ngày 01/01/2016	186.445.000.000	11.238.309.719	(22.987.793.356)	174.695.516.363
Lỗ trong năm 2016	-	-	(5.614.534.786)	(5.614.534.786)
Số dư tại ngày 31/12/2016	186.445.000.000	11.238.309.719	(28.602.328.142)	169.080.981.577

5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007 và chứng nhận thay đổi lần thứ 13 ngày 14 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp:

Vốn điều lệ:	186.445.000.000	VND
Tổng số cổ phần:	18.644.500	cổ phần
Mệnh giá cổ phần:	10.000	VND

Trong đó:

Cổ đông	31/12/2016		01/01/2016	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	109.784.000.000	58,88	109.784.000.000	58,88
Các cổ đông khác	76.661.000.000	41,12	76.661.000.000	41,12
	186.445.000.000	100,00	186.445.000.000	100,00

5.19.3 Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.644.500	18.644.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.644.500	18.644.500
• Cổ phiếu phổ thông	18.644.500	18.644.500
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.644.500	18.644.500
• Cổ phiếu phổ thông	18.644.500	18.644.500
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)	10.000	10.000

5.20 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán tổng hợp

Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	01/01/2016
Dollar Mỹ (USD)	619,15	232,20

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
 Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu

6.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2016	2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	38.536.974.666	43.792.798.759
Doanh thu cung cấp dịch vụ	88.919.123.874	64.745.090.405
	127.456.098.540	108.537.889.164

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

6.2 Giá vốn hàng bán

	2016	2015
	VND	VND
Giá vốn - hàng hóa	24.963.328.565	26.865.112.592
Giá vốn - dịch vụ	43.969.917.092	20.480.373.504
	68.933.245.657	47.345.486.096

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	441.302.135	260.737.303
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.214.110.473	2.465.681.979
Lãi chuyển nhượng quyền mua chứng khoán	1.029.704.400	491.213.230
Lãi cho vay	266.411.112	102.888.055
Lãi chênh lệch tỷ giá	46.136.153	614.035
	5.997.664.273	3.321.134.602

6.4 Chi phí tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	541.590.431	555.082.553
Dự phòng/ (hoàn nhập) đầu tư tài chính dài hạn	(1.346.779.223)	(1.884.835.454)
Lỗ thanh lý khoản đầu tư vào Công ty TNHH Lữ Hành Vũng Tàu	1.194.876.739	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	635.040	484
Chi phí tài chính khác	143.340.358	-
	533.663.345	(1.329.752.417)

6.5 Chi phí bán hàng

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	12.848.440.975	12.516.002.524
Chi phí bán hàng khác	12.764.021.103	12.497.869.574
	25.612.462.078	25.013.872.098

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
 Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	15.581.218.105	14.729.845.103
Chi phí thuê đất	9.312.250.239	10.187.274.298
Chi phí quản lý khác	19.795.746.303	13.999.301.001
	44.689.214.647	38.916.420.402

6.7 Thu nhập khác

	2016 VND	2015 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	289.109.808	-
Thanh lý công cụ dụng cụ	10.818.182	30.236.365
Thu cho thuê mặt bằng	330.214.550	880.920.002
Thu nhập khác	126.437.536	35.111.530
	756.580.076	946.267.897

6.8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.047.240.569	30.174.250.007
Chi phí nhân công	37.285.785.135	31.980.345.376
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.559.767.266	7.110.126.540
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.813.884.713	23.321.258.485
Chi phí khác bằng tiền	24.528.244.699	18.874.893.364
	139.234.922.382	111.460.873.772

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm có: rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Các phân tích về độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan tới tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

ii. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Các khoản vay và nợ thuê TC	2.939.799.426	1.538.013.600	14.052.342.613	18.530.155.639
Phải trả người bán	4.909.361.613	-	-	4.909.361.613
Phải trả khác và chi phí phải trả	22.676.683.758	9.723.385.525	-	32.400.069.283
	30.525.844.797	11.261.399.125	14.052.342.613	55.839.586.535
Tại ngày 31/12/2015				
Các khoản vay và nợ thuê TC	2.149.000.000	3.687.013.600	14.052.342.613	19.888.356.213
Phải trả người bán	3.155.018.431	-	-	3.155.018.431
Phải trả khác và chi phí phải trả	15.251.031.671	16.014.471.392	-	31.265.503.063
	20.555.050.102	19.701.484.992	14.052.342.613	54.308.877.707

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Tài sản tài chính				
Chứng khoán kinh doanh	7.399.152.000	6.052.372.777	7.399.152.000	6.052.372.777
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.100.000.000	1.100.000.000	2.100.000.000	1.100.000.000
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	9.672.621.531	7.952.296.445	9.672.621.531	7.952.296.445
<i>Phải thu về cho vay</i>	8.350.000.000	3.200.000.000	8.350.000.000	3.200.000.000
<i>Phải thu khác</i>	3.517.243.118	8.406.875.591	3.517.243.118	8.406.875.591
Tài sản tài chính dài hạn	60.822.545.691	60.812.545.691	60.822.545.691	60.812.545.691
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	15.474.865.575	14.804.313.659	15.474.865.575	14.804.313.659
Tổng cộng	107.336.427.915	102.328.404.163	107.336.427.915	102.328.404.163
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
<i>Vay và nợ thuê tài chính</i>	18.530.155.639	19.888.356.213	18.530.155.639	19.888.356.213
<i>Phải trả người bán</i>	4.909.361.613	3.155.018.431	4.909.361.613	3.155.018.431
<i>Phải trả khác và chi phí phải trả</i>	32.400.069.283	31.265.503.063	32.400.069.283	31.265.503.063
Tổng cộng	55.839.586.535	54.308.877.707	55.839.586.535	54.308.877.707

Giá trị hợp lý (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết trình trên Báo cáo tài chính tổng hợp:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin về khoản trả nợ của từng khách hàng và đối tượng nợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các khoản vay ngân hàng mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Tài sản đảm bảo

Công ty thế chấp tài sản của mình cho các khoản vay (Xem thuyết minh số 5.10 và 5.17).

Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác (Xem thuyết minh số 5.16).

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Tiền lương, tiền thưởng	1.049.731.043	1.291.289.801
Thù lao	19.000.000	210.000.000
	1.068.731.043	1.501.289.801

Công ty không có giao dịch và số dư phải thu/ (phải trả) với các thành viên chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên có liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	2016 VND	2015 VND
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	Góp vốn	-	9.295.840.000
	Cho vay	5.150.000.000	3.200.000.000
	Lãi cho vay	266.411.112	53.635.000
	Bán tài sản cố định	-	2.677.176.731
	Chi hộ	15.487.240	-
Công ty cổ phần Du lịch Thủy Vân	Cổ tức được chia	666.182.472	747.196.786
	Thu ứng khấu hao	193.656.001	4.736.788
	Thuê mặt bằng	2.821.124.375	-
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	Góp vốn	651.929.593	300.000.000
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Góp vốn	-	20.000.000

Số dư phải thu/ (phải trả) giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	Phải thu về cho vay	8.350.000.000	3.200.000.000
	Phải thu khác	171.949.869	122.554.339
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu	Phải thu khác	-	1.693.304.366
Công ty cổ phần Du lịch Thủy Vân	Phải thu khác	189.245.774	157.934.109
	Phải trả khác	(4.954.641.088)	(4.760.985.087)
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Phải thu khách hàng	107.732.930	107.732.930

8.2 Tiền thuê đất

Theo Thông báo tạm nộp tiền thuê đất tại Bãi tắm Thủy Vân của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu, Công ty tạm ghi nhận chi phí thuê đất cho các năm như sau:

	2016	2015
Diện tích đất thuê (m ²)	54.171,10	54.171,10
Diện tích đất sử dụng kinh doanh (m ²)	7.880,20	7.880,20
Tiền thuê đất tạm tính		
• Kỳ 1	1.106.380.080	1.472.809.380
• Kỳ 2	12.126.812.922	1.472.809.380
	13.233.193.002	2.945.618.760
Ghi nhận chi phí thuê đất trong năm (VND)	2.212.760.160	2.945.618.760
Chênh lệch chưa được ghi nhận (VND)	11.020.432.842	-

8.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh năm 2015 của Công ty căn cứ theo Báo cáo kiểm toán số 0619/2016/BCTC-KTTV ngày 14 tháng 4 năm 2016 do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C phát hành và được điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu liên quan đến chi phí thuê đất 2015 tại Bãi tắm Thùy Vân:

Bảng cân đối kế toán tổng hợp

	Thuyết minh	Số dư 01/01/2016 sau điều chỉnh VND	Số dư 31/12/2015 trước điều chỉnh VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	5.14	1.826.842.277	1.211.235.416	615.606.861	(i)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.14	10.641.780.706	7.563.746.401	3.078.034.305	(i)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.19	22.987.793.356)	(20.525.365.912)	(2.462.427.444)	


Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp


	Thuyết minh	Năm 2015 sau khi điều chỉnh VND	Năm 2015 trước khi điều chỉnh VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp					
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.6	38.916.420.402	35.838.386.097	3.078.034.305	(i)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.835.138.340	5.913.172.645	(3.078.034.305)	(i)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.14	464.775.038	1.080.381.899	(615.606.861)	(i)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp					
Lợi nhuận trước thuế		2.835.138.340	5.913.172.645	(3.078.034.305)	(i)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả		8.396.212.706	5.318.178.401	3.078.034.305	



(i) Ghi nhận tiền thuê đất năm 2015 theo thông báo tạm nộp tiền thuê đất của Chi cục thuế Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và điều chỉnh giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng.

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Quyết định số 01,02,03 và 04/QĐ-HĐQT/CPDL-BRVT ngày 29/03/2017 của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị Công ty quyết định miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc đối với ông Trần Tuấn Việt và bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Hồng Ân kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2017.


 NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
 Người lập biểu


 NGUYỄN TẤN ĐẠT
 Kế toán trưởng



 TRẦN TUẤN VIỆT
 Tổng Giám đốc
 Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2017